

Số: /BC-MNSC

Tân Hiệp, ngày 19 tháng 10 năm 2024

## BÁO CÁO

### Thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non Năm học 2024-2025

#### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Sơn Ca

2. Địa chỉ: Khu phố Kinh 9, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

- Điện thoại: Điện thoại 0297 3710679

- Địa chỉ email: [comnsoncath.kien Giang@moet.edu.vn](mailto:comnsoncath.kien Giang@moet.edu.vn).

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

a. Sứ mạng:

Xây dựng Trường là **ngôi nhà thứ hai** của trẻ và cô giáo.

Tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện đầy tình yêu thương; trẻ được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, vui vẻ thể hiện bản thân. "học bằng chơi, chơi mà học" cho trẻ gắn với phong trào thi đua xây dựng "Trường học thân thiện, học sinh tích cực"; "Nhà trường xanh, trường học sạch"; "Tất cả vì học sinh thân yêu"; Trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm.

Duy trì và phát huy những kết quả đạt được của trường Chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng giáo dục mầm non cấp độ 2.

Từng bước mở rộng quy mô, tiến tới công nhận chuẩn phổ cập cho trẻ 3-4 tuổi vào năm 2025.

b. Tầm nhìn:

Xây dựng trường Mầm non Sơn Ca ngày một thân thiện, chất lượng tốt, là nơi giáo viên và trẻ luôn có cơ hội phát triển tư duy sáng tạo, là một trong những lá cờ đầu trong hệ thống các trường mầm non, mẫu giáo của huyện Tân Hiệp.

c. Mục tiêu:

Chăm sóc, nuôi dạy trẻ bằng tình yêu thương, tôn trọng và chia sẻ

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, đất nước và thời đại.

Mục tiêu ngắn hạn: Năm học 2024 - 2025 trường phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục; giữ vững thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Mục tiêu trung hạn: Đến cuối năm học 2024 – 2028 duy trì kết quả trường chuẩn quốc gia theo Thông tư 19/2018/TT-Bộ GDĐT.

Mục tiêu dài hạn: Đến năm học 2025 - 2030 trường phấn đấu đạt các mục tiêu sau: nâng cao uy tín, “thương hiệu” nhà trường; Chất lượng giáo dục được khẳng định: là một trong những lá cờ đầu trong hệ thống các trường mầm non của huyện Tân Hiệp cũng như tỉnh Kiên Giang; Duy trì kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và trường chuẩn quốc mức độ 1 gia theo Thông tư 19/2018/TT Bộ GDĐT. Hoàn thành chuẩn phổ cập cho trẻ 3+4 tuổi trên địa thị trấn Tân Hiệp.

### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục**

Trường được thành lập theo Quyết định số 90/QĐ-UBND, ngày 17/6/1992 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hiệp về việc thành lập Trường Mẫu giáo sơn Ca; Đến ngày 5/7/2017 đổi thành Trường Mầm non sơn Ca. Khi mới đưa vào sử dụng trường chỉ có 05 lớp với 140 cháu độ tuổi Mẫu giáo và 12 CBGVNV, sân chơi ảm thấp đến nay qua hơn 32 nhà trường tham mưu với các cấp lãnh đạo và vận động phụ huynh đóng góp đã xây được 9 phòng học mới, 4 phòng chức năng đầy đủ, 4 phòng hành chính, 1 hội trường Hội họp và làm thêm được 1 nhà bếp và 1 sân chơi thoáng mát và có đủ đồ chơi cho trẻ sinh hoạt ngoài trời đảm bảo việc dạy và học của trẻ, trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I vào tháng 8 năm 2023 và kiểm định chất lượng mức độ 2, nhà trường có đủ đồ chơi cho trẻ sinh hoạt ngoài trời đảm bảo việc dạy và học của trẻ; Hiện nay Trường có 14 nhóm, lớp với hơn 362 cháu ở 5 độ tuổi (3 nhóm lớp Nhà trẻ: 01 nhóm; 3-4 tuổi: 02 lớp; 4-5 tuổi: 03 lớp; 5-6 tuổi: 6 lớp); 33 CBGVNV (CBQL: 3; GV: 25; NV: 05). Trường có Chi bộ độc lập với 15 Đảng viên; tổ chức Công đoàn và Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh năng nổ, linh hoạt, phối hợp tốt trong mọi hoạt động của nhà trường.

Đội ngũ CBGVNV của nhà trường luôn tâm huyết, yêu nghề mến trẻ, năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao về chuyên môn cũng như các phong trào thi đua văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do các cấp và địa phương phát động. trường đạt Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” nhiều năm liền, được nhiều bằng khen và cờ thi đua của UBND tỉnh. Hằng năm CBGVNV nhà trường luôn đạt các Danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở, LĐTT của UBND huyện và nhiều bằng khen của UBND tỉnh.

Trường luôn tạo được niềm tin đối với quý cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương và các bậc cha mẹ học sinh. Công tác tuyển sinh hằng năm luôn vượt chỉ tiêu được giao, là địa chỉ tin cậy đối với quý bậc phụ huynh lựa chọn gửi con trẻ độ tuổi mầm non vào trường.

### **6. Thông tin người đại diện pháp luật:**

Họ và tên: Tống Thị Thúy

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Sơn Ca  
 Khu phố Kinh 9, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang  
 Điện thoại: 0908315746  
 Gmail: tongthithuy12907@gmail.com.

## **7. Tổ chức bộ máy**

### **a) Quyết định thành lập của cơ sở giáo dục**

Trường được thành lập theo Quyết định số 90/QĐ-UBND, ngày 17/6/1992 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hiệp về việc thành lập Trường Mẫu giáo Sơn Ca; Đến ngày 5/7/2017 đổi thành Trường Mầm non Sơn Ca.

### **b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường:**

Căn cứ Quyết định số 2807/2022/QĐ-UBND ngày 5/5/2022 của UBND huyện Tân Hiệp về việc thành lập Hội đồng Trường Mầm non Sơn Ca Nhiệm kỳ 2022-2026;

#### **Danh sách thành viên Hội đồng trường**

1. Bà Tống Thị Thúy, Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng trường Mầm non Sơn Ca, Chủ tịch hội đồng;
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Dung, Nhân viên, trưởng trường Mầm non Sơn Ca. Thư ký hội đồng;

#### **\* Các ông, bà sau đây làm thành viên:**

1. Bà Tống Thị Thúy, Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng;
2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan, Phó Hiệu trưởng, Thành Viên;
3. Bà Phan Thị Thúy Ngân, Chủ tịch CĐCS, Thành viên;
4. Bà Đỗ Thị Ánh Tuyết, P.Bí thư Đoàn Thanh niên, Thành viên;
5. Bà Trần Thị Trang, Tổ trưởng Tổ chuyên môn tổ 1, Thành viên;
6. Bà Nguyễn Thị Mộng thu, Tổ trưởng tổ chuyên môn tổ 2, Thành viên;
7. Bà Nguyễn thị Quỳnh Dung, Tổ trưởng tổ Văn phòng, làm thư lý;
8. Bà Lê Thị Bích Hồng, Trưởng Ban TTND, thành viên;
9. Ông Nguyễn thành lập, P.CT UBND Thị trấn Tân Hiệp Thành viên;
10. Ông Nguyễn Hải Triều, Trưởng Ban đại diện CMHS, Thành viên.

### **c) Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng trường Mầm non Sơn Ca:**

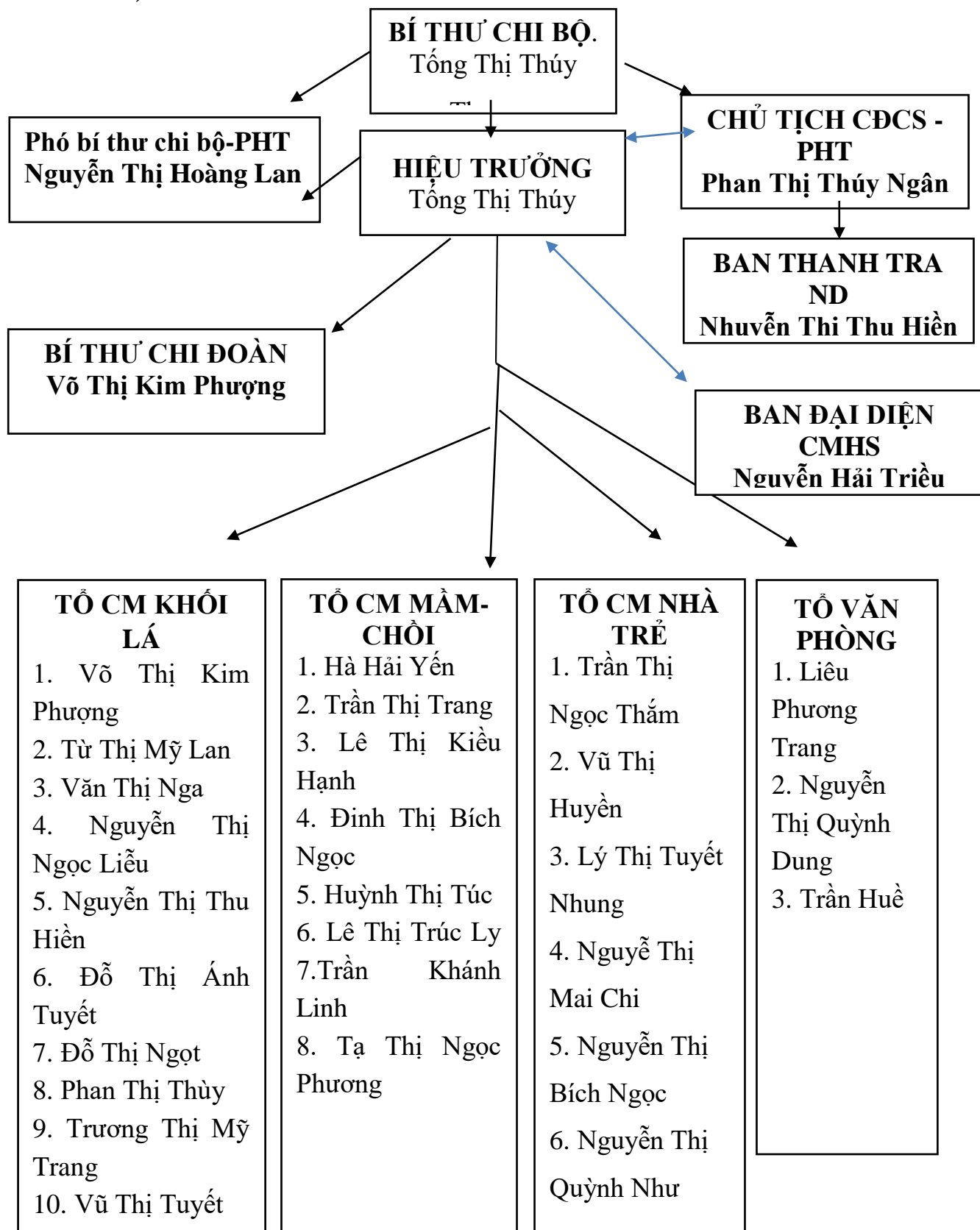
Quyết định 1760/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện Tân Hiệp về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Mầm non Sơn Ca đối với bà Tống Thị Thúy.

Quyết định 9950/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện Tân Hiệp về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Sơn Ca đối với bà Nguyễn Thị Hoàng Lan.

Quyết định 1760/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện Tân Hiệp về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non Sơn Ca đối với bà Phan Thị Thúy Ngân.

*d) Sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường Mầm non Sơn Ca (có minh họa sơ đồ*

*kèm theo)*



***e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của Lãnh đạo trường Trường Mầm non Sơn Ca***

Họ và tên: Tống Thị Thúy

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Sơn Ca

Khu phố Kinh 9, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: 0908315746

Email: [c0mnoncath.kiengiang@moet.edu.vn](mailto:c0mnoncath.kiengiang@moet.edu.vn).

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

**1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên**

***a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo.***

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ				
			Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa đào tạo
<b>Tổng số CBQL, GV, NV</b>		<b>33</b>	<b>25</b>	<b>04</b>	<b>01</b>	<b>0</b>	<b>03</b>
I	Cán bộ quản lý	03	03	0	0	0	0
01	Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	0
02	Phó Hiệu trưởng	02	02	0	0	0	0
II	Giáo viên	25	21	04	01	0	0
001	Giáo viên nhóm trẻ	06	03	03	0	0	0
02	Giáo viên mẫu giáo	19	18	01	01	0	0
III	Nhân viên	05	01	0	0	0	02
01	Nhân viên kế toán	01	01	0	0	0	0
02	Nhân viên y tế	01	0	0	01	0	0
03	Nhân viên nấu ăn	02	0	0	0	0	02
04	Nhân viên bảo vệ	01	0	0	0	0	01

***b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp***

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025		
		Số lượng	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Cán bộ quản lý	03	100	
2	Giáo viên	25	100	

***c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành công tác bồi dưỡng TX, chuyên môn nghiệp vụ hàng năm***

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025		
		Số lượng	Tỷ lệ	Ghi chú

1	Cán bộ quản lý	03	100	
2	Giáo viên	25	100	

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

#### 1. Thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối chiếu với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025		
		Diện tích/phòng	Yêu cầu	So sánh tỷ lệ
1	Diện tích đất sàn			
	Diện tích điểm chính	4178,81 m <sup>2</sup>	12m <sup>2</sup> /1 trẻ em	100
2	Số lượng hạng mục thuộc các khối phòng	05	05	100
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	14	14	100
	Phòng học dùng làm phòng ngủ	14	14	100
	Nhà vệ sinh	14	14	100
2.2	Khối phòng phục vụ học tập			
	Phòng GD thể chất	01	01	100
	Phòng GD nghệ thuật, âm nhạc	01	01	100
	Phòng GD tin học	01	01	100
	Phòng GD tiếng anh	01	01	100
2.3	Khối phòng tổ chức ăn	01	01	100
	Nhà bếp	01	01	100
	Kho bếp	01	01	100
	Nhà ăn	01	01	100
2.4	Khối phòng HCQT			
	Phòng Hiệu trưởng	01	01	100
	Phòng Phó Hiệu trưởng	02	02	100
	Phòng họp	01	01	100
	Phòng bảo vệ	01	01	100
	Phòng y tế	01	01	100
	Phòng nhân viên	01	01	100
2.5	Khối công trình, phụ trợ			
	Nhà xe giáo viên	01	01	100

3	Thiết bị dạy học	14	14	100
4	Đồ chơi ngoài trời	30	30	100
5	Thiết bị giáo dục khác			
	Ti vi	16	16	100
	Đàn Organ	04	04	100

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

##### 1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

##### *a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường Mầm non Sơn Ca; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá*

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường Mầm non Sơn Ca

Trường Mầm non Sơn Ca được Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang công nhận trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 924/QĐ-SGDĐT ngày 24/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang. UBND tỉnh Kiên Giang cấp bằng công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 2144/QĐ-UBND ngày 30/8/2023.

##### *b) Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá*

Tính đến thời điểm hiện tại tại nhà trường đã khắc phục được 01 điểm yếu với nội dung tách tổ chuyên môn tổ 2,3,4 tuổi thành 02 tổ chuyên môn gồm: tổ 2+3 tuổi và tổ chuyên 4 tuổi.

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

##### 1. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của năm học trước:

TT	Nội dung	Năm học 2023-2024
1	Tổng số nhóm/lớp	14
	Mẫu giáo	12
	Nhà trẻ	02
2	Tổng số trẻ	375
	Mẫu giáo	317
	Nhà trẻ	58
3	Số trẻ học 2 buổi/ngày	375
4	Số trẻ ăn bán trú	273
5	Số trẻ theo dõi sức khỏe theo biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra định kỳ	375
	Mẫu giáo	317
	Nhà trẻ	58
6	Số trẻ phổ cập GDMNCTNT	179
7	Số trẻ khuyết tật	0

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm liền kề
<b>A. Tổng thu hoạt động</b>			
I. Hỗ trợ chi thường xuyên từ nhà nước			
II. Thu giáo dục và Đào tạo			
Học phí từ người học		268.312.500	
Thu khác			
<b>B. Tổng chi hoạt động</b>			
I. Chi lương, thu nhập			
1. Chi lương, thu nhập của giáo viên			
2. Chi lương, thu nhập của cán bộ khác		2.753.765.765	

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

### 1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hoá đội ngũ CBQL và GVMN

- CBQL nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó các tổ chuyên môn, tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế làm việc, quy chế dân chủ, quy chế chuyên môn và quy tắc ứng xử, hồ sơ sổ sách, hồ sơ BDTX. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên, đội ngũ.

### 2. Thực hiện kế hoạch, đề án.

- Nhà trường xác định rõ mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

### 3. Công tác xã hội hoá và hội nhập quốc tế

- Công tác xã hội hoá tại nhà trường đạt được kết quả, hiệu quả theo kế hoạch đề ra. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ hiện vật 50 phần quà gạo, mỳ, cặp... trị giá 35.000.000 đồng, phụ huynh trẻ 6.565.000 đồng.

### 4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin



- Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý, chăm sóc, giáo dục trẻ. Xây dựng thư viện bài giảng, tài liệu trên phần mềm Edubot dùng chung. Áp dụng tốt các phần mềm Misa, BHXH, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, CSDL ngành... Thực hiện tốt ứng dụng CNTT trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Tiếp tục triển khai, rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ, hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên CSDL ngành theo đúng quy định. Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

### **5. Công tác truyền thông**

- Nhà trường xây dựng kế hoạch truyền thông, ban hành quyết định phân công người phụ trách CNTT và truyền thông, thực hiện báo cáo, quản lý Email, trang điện tử theo quy định. Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDMN, các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ thông qua bảng thông tin tuyên truyền của lớp, trường, mạng xã hội.

Trên đây là Báo cáo thường niên của trường Mầm non Sơn Ca./.

#### ***Nơi nhận:***

- Phòng GDĐT Sơn Ca (B/c);
- Lưu: VT./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Tổng Thị Thúy**

### THÔNG BÁO

#### Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt yêu cầu từ 90%</li> <li>- Bé chuyên cần đạt 98%</li> <li>- Tỷ lệ SDD dưới 2%</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ đạt yêu cầu từ 98%</li> <li>- Trẻ 5 tuổi đạt yêu cầu: 100%</li> <li>- Bé chuyên cần:</li> <li>+ Mẫu giáo: 98%</li> <li>- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng: Giảm <b>100%</b> so với đầu năm học.</li> </ul>
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% giáo viên thực hiện đúng Chương trình</li> </ul>	100% giáo viên thực hiện chương trình Chăm sóc Giáo dục mầm non theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2009 và TT 28/ 2016/TT-BGDĐT Ngày 30 /12 / 2016 sửa đổi bổ sung một số nội dung của CTGDMN, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 51/2020, ngày 31/12/2020
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển thể chất: Đạt: 97%</li> <li>- Phát triển nhận thức: Đạt: 97%</li> <li>- Phát triển ngôn ngữ: Đạt: 97%</li> <li>- Phát triển tình cảm thẩm mỹ: Đạt: 97%</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển thể chất: Đạt: 97%</li> <li>- Phát triển nhận thức: Đạt: 97%</li> <li>- Phát triển ngôn ngữ: Đạt: 97%</li> <li>- Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội: Đạt: 97%</li> <li>- Phát triển thẩm mỹ: Đạt: 97%</li> </ul>
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo	Môi trường hoạt động thông thoáng, sạch sẽ. Có đầy đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho	Môi trường hoạt động thông thoáng, sạch sẽ. Có đầy đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho mỗi trẻ.

	<p>dục mầm non</p>	<p>mỗi trẻ. Trang bị đủ đồ dùng học tập, đồ chơi và các giá góc trong lớp. Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học.</li> <li>- Đội ngũ CB, GV, NV đạt chuẩn trở lên, được bồi dưỡng, đào tạo thường xuyên liên tục.</li> <li>- Sự phối kết hợp chặt chẽ giữa CMHS và Nhà trường.</li> <li>- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong mọi hoạt động của Nhà trường./.</li> </ul>	<p>Trang bị đủ đồ dùng học tập, đồ chơi và các giá góc trong lớp. Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học.</li> <li>- Đội ngũ CB, GV, NV đạt chuẩn trở lên, được bồi dưỡng, đào tạo thường xuyên liên tục.</li> <li>- Sự phối kết hợp chặt chẽ giữa CMHS và Nhà trường.</li> <li>- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong mọi hoạt động của Nhà trường./.</li> </ul>
--	--------------------	--	---

*Tân Hiệp, ngày 19 tháng 10 năm 2024*

**Thủ trưởng đơn vị**

**Tổng Thị Thúy**

UBND HUYỆN TÂN HIỆP  
TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	24-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
<b>I</b>	<b>Tổng số trẻ em</b>	362	9	15	21	48	91	178
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	362	9	15	21	48	91	178
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
<b>II</b>	<b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>	291	9	15	21	48	66	102
<b>III</b>	<b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>	362	9	15	21	48	91	178
<b>IV</b>	<b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b>	362	9	15	21	48	91	178
<b>V</b>	<b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>	362	9	15	21	48	91	178
1	Số trẻ cân nặng bình thường	350	8	15	20	44	86	175
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	5	1	0	0	2	1	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	359	9	15	21	45	91	177
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	3	0	0	0	2	0	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì	7	0	0	1	0	4	2

<b>VI</b>	<b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b>	362	9	15	21	48	91	178
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	45	9	15	21			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	317				48	91	178

*Tân Hiệp, ngày 19 tháng 10 năm 2024*

**Thủ trưởng đơn vị**

**Tông Thị Thúy**

UBND HUYỆN TÂN HIỆP  
TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA

Biểu mẫu 03  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non  
năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng</b>	<b>14</b>	2,0m <sup>2</sup> /trẻ em
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>	14	-
1	Phòng học kiên cố	10	-
2	Phòng học bán kiên cố	04	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	04	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	01 chính; 03 điểm học nhờ tiểu học	-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>	4178,81 m <sup>2</sup>	12m <sup>2</sup> /1 trẻ em
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>	1056,6 m <sup>2</sup>	3,63m <sup>2</sup> /trẻ em
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung + phòng ngủ (m <sup>2</sup> )	64 m <sup>2</sup>	2,0m <sup>2</sup> /trẻ em
2	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )	<b>13</b>	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m <sup>2</sup> )	60 m <sup>2</sup>	
4	có phòng giáo dục nghệ thuật (âm nhạc) diện tích (m <sup>2</sup> )	60 m <sup>2</sup>	
5	Diện tích phòng giáo dục tin học(m <sup>2</sup> )	50 m <sup>2</sup>	

7	Diện tích phòng giáo dục tiếng anh(m <sup>2</sup> )	50m <sup>2</sup>			
8	Diện tích nhà bếp (m <sup>2</sup> )	85 m <sup>2</sup>			
9	Diện tích kho thực phẩm	5 m <sup>2</sup>			
10	Diện tích nhà kho (m <sup>2</sup> )	15 m <sup>2</sup>			
11	phòng dành cho nhân viên	30 m <sup>2</sup>			
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	14	14/14 nhóm lớp		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14			
<b>VIII</b>	<b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>	<b>30</b>			
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v... )</b>	14	15 máy tính, 16 tivi, 1 máy chiếu, 1 máy phôtô.		
<b>X</b>	<b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)</b>	0			
		Số lượng(m <sup>2</sup> )			
<b>XI</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m <sup>2</sup> /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x	x

(\*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
<b>XII</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	x	
<b>XIII</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	x	
<b>XIV</b>	<b>Kết nối internet</b>	x	
<b>XV</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục</b>	x	
<b>XVI</b>	<b>Tường rào xây</b>	x	
<b>..</b>	<b>....</b>		

*Tân Hiệp, ngày 19 tháng 10 năm 2024*

**Thủ trưởng đơn vị**

**Tống Thị Thúy**



UBND HUYỆN TÂN HIỆP  
TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA

Biểu mẫu 04  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024 - 2025

Stt	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng g IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CD
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>33</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>24</b>	<b>4</b>	<b>0</b>		<b>02</b>	<b>18</b>	<b>07</b>	<b>22</b>	<b>04</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>26</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>	<b>03</b>	<b>1</b>		<b>0</b>	<b>21</b>	<b>02</b>	<b>19</b>	<b>05</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nhà trẻ	6	0	0	3	3	0		0	2	0	0		0	0
2	Mẫu giáo	20	0	0	19	0	01		01	12	3	13	02	0	0
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>			<b>3</b>						<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>		
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					0	2	2			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>5</b>			<b>01</b>		<b>01</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nhân viên văn thư							1							
2	Nhân viên kế toán	1													
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên nấu ăn	2						2							
6	Nhân viên bảo vệ	1						1							

Tân Hiệp, ngày 19 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

**Tống Thị Thúy**